

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2022/DS-ST

Ngày: 25/8/2022

“V/v Tranh chấp Hợp đồng góp
hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Kiên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Văn Tâm;

2. Ông Lê Đức Thụy.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 191/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp hụi”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 392/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 376/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1974; địa chỉ: 206, tổ 9, ấp TT, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Đài, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp TQ, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966; địa chỉ: ấp TQ, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt (do có ý kiến đề nghị vắng mặt tại văn bản ghi nhận lời khai ngày 02/6/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày, tôi có tham gia chơi hụi do bà Đài làm chủ hụi, từ năm 2019 đến năm 2020 tham gia 08 dây, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ góp hụi. Tuy nhiên, đến ngày 28/3/2021 (âm lịch), bà Đài tuyên bố vỡ hụi. Ngày 29/5/2021, tôi và bà Nguyễn Thị Đài lập giấy xác nhận nợ hụi với số tiền 150.500.000 đồng; sau đó, bà Đài trả được 14.500.000 đồng, nên bà Đài còn nợ lại

nợ tôi số tiền là 136.000.000 đồng. Nay tôi yêu cầu bà Nguyễn Thị Đài và ông Nguyễn Văn T (chồng bà Đài) trả cho tôi số tiền nợ hui là 136.000.000 đồng, tôi không yêu cầu tính lãi suất. Tôi yêu cầu trả một lần, không trả hàng tháng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đài tại biên bản ghi nhận lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, trình bày: tôi thừa nhận bà M có tham gia chơi hui do chính tôi làm chủ, bà M tham gia làm thành viên các dây hui của tôi nhiều năm nay. Từ năm 2019 - 2020 (âm lịch) bà M chơi hui và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ góp hui. Đến ngày 28/3/2021 (âm lịch) tôi có tuyên bố các dây hui mà bà M tham gia chơi hui bị vỡ hui nên tôi và bà Mẫn có làm giấy xác nhận nợ hui ngày 29/5/2021 với số tiền tôi còn nợ lại bà M là 150.500.000 đồng. Sau đó, tôi có trả dần cho bà M được 14.500.000 đồng. Hiện nay, tôi còn nợ lại bà M số tiền là 136.000.000 đồng. Tôi đồng ý trả cho bà M hàng tháng 1.000.000 đồng.

Mục đích của việc tôi làm chủ hui là để có tiền lời, chăm lo gia đình, lo sinh hoạt, ăn uống hằng ngày trong gia đình. Tôi và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay do điều kiện khó khăn nên tôi xin trả dần cho bà M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên không ghi nhận được ý kiến tại các phiên hòa giải. Tuy nhiên, tại biên bản ghi nhận lời khai, do cán bộ Tòa án thực hiện ghi nhận ý kiến của ông T; ông T đã trình bày: ông và bà Nguyễn Thị Đài là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật từ năm 1983 đến nay, ông có nhận và biết được Tòa án mời làm việc do các nguyên đơn với tư cách là hui viên khởi kiện vợ ông bà Đài là chủ hui, do sau khi thực hiện khai hui không thực hiện trả tiền hui cho các hui viên; ông có biết bà Đài là chủ hui nhưng không biết việc ai là hui viên, cũng như bà Đài khi thu tiền hui, trả tiền hui cho ai ông hoàn toàn không nắm được, cũng như không thực hiện thu hui của các hui viên thay bà Đài. Bà Đài khi thu tiền hui, có tiền lời bao nhiêu ông không biết, bà Đài là vợ ông, là chủ hui từ khoảng hơn 10 năm nay, việc bà Đài bề hui ông biết, do bà Đài có báo cho ông, ông không đồng ý liên đới với bà Đài do ông không biết các hui viên, không thu hui, không biết bà Đài dùng tiền hui vào mục đích gì; ngoài ra bà Đài còn bị rất nhiều người giựt hui, ông phải T phụ bà Đài trả thay, ông biết việc đưa ông tham gia tố tụng, nhưng đề nghị vắng mặt tại các phiên hòa giải, đối chất, lấy lời khai và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa:

- Bà Nguyễn Thị M, trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không có tài liệu, chứng cứ khác giao nộp cho Tòa án chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình.

- Bà Nguyễn Thị Đài vắng mặt tại phiên tòa, nhưng lời trình bày phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án.

- Ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, nên không ghi nhận được ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: nguyên đơn bà Huỳnh Thị M đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà Nguyễn Thị Đài đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: căn cứ bà M khởi kiện từ năm 2019 đến năm 2020 tham gia 8 dây hụi, giữa bà Mầm và bà Đài có xác lập giấy nhận hụi, trước khi khởi kiện bà Đài đã trả cho bà Mầm số tiền là 14.500.000đồng, nay cả bà Mầm, bà Đài cùng xác định xác định bà Đài còn nợ số tiền là 136.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi, nên bà M khởi kiện là có căn cứ. Đối với việc bà Đài xin trả dần hàng tháng, do bà M không đồng ý nên không có cơ sở xem xét, chấp nhận.

Đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn T liên đới trả số tiền 136.000.000đồng. Thấy rằng, trong thời gian bà Đài làm chủ hụi, bà Đài và ông T thừa nhận là vợ chồng, chung sống cùng nhau. Mặc khác, bà Đài thừa nhận, việc bà chơi hụi nhằm mục đích tạo thu nhập để phục vụ cuộc sống, sinh hoạt cho gia đình, ông T biết việc bà làm chủ hụi và đôi khi ông T có thay bà Đài nhận tiền hụi của hụi viên đến đóng hụi. Vì vậy, có căn cứ xác định rằng, đây là số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân theo Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ để chấp nhận. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đối với bà Nguyễn Thị Đài và ông Nguyễn Văn T. Buộc bà Nguyễn Thị Đài và ông Nguyễn Văn T trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 136.000.000đồng. Đình chỉ xét xử với số tiền 14.500.000đồng, do bà M rút yêu cầu.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 18, 23 Nghị định 19 ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biếu, phường, xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Đài thanh toán tiền hụi, bà Đài là người bị kiện đang cư trú tại địa bàn huyện Chợ Mới, giữa các bên công nhận có chơi hụi, nên Hội đồng xét xử thống nhất quan hệ tranh chấp để giải quyết vụ án là “tranh chấp về Hợp đồng góp hụi” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Nguyễn Thị M, tham các dây hụi do bà Đài làm chủ hụi, tại đơn khởi kiện, cũng như tại biên bản hòa giải, biên bản ghi nhận lời khai, bà M và thống nhất về số tiền bà Đài còn nợ hụi là 136.000.000 đồng, đồng thời các bên thừa nhận có làm biên nhận nợ hụi ngày 29/5/2021 với số tiền là 150.500.000

đồng, nhưng trước khi bà M khởi kiện bà Đài đã trả được số tiền là 14.500.000đồng; việc thừa nhận, thống nhất của các đương sự là sự kiện không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, giữa bà M và bà Đài có quan hệ chơi hụi, theo đó bà Đài là chủ hụi, các đương sự đối chiếu, thống nhất số tiền đến nay bà Đài còn nợ tiền hụi của bà M là 136.000.000 đồng, bà M không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử thống nhất, việc bà Myêu cầu khởi kiện là có căn cứ, lời trình bày của bà M phù hợp với lời trình bày của bà Đài, cũng như số tiền, số lần khởi khui hụi các đương sự đều thống nhất; theo đơn yêu cầu khởi kiện của bà M, yêu cầu bà Đài và ông T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán tiền nợ hụi, thì thấy: việc ông T cho rằng, ông không có trách nhiệm liên đới với bà Đài, vì không biết bà Đài dùng tiền vào việc gì, nhưng ông lại biết việc bà Đài là chủ hụi hơn 10 năm nay, hơn nữa bà Đài cũng khẳng định việc bà là chủ hụi ông T biết, ông T cũng biết việc bà Đài vỡ hụi, cũng phụ bà Đài trong việc trả tiền hụi đối với người chơi hụi (Biên bản lấy lời khai ngày 02/6/2022 đối với ông T), bà Đài cũng khẳng định việc làm chủ hụi, tiền lời hụi bà dùng chung vào mục đích sinh hoạt gia đình. Do đó, có cơ sở xác định ông T hoàn toàn biết việc bà Đài là chủ hụi, biết việc bà Đài là người T nhận tiền từ các hụi viên, nên ông cho rằng không có trách nhiệm liên đới là không có căn cứ, cả ông T và bà Đài đều thừa nhận là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, bà Đài và ông T cùng sống chung nhà, bà Đài có dùng tiền chơi hụi vào mục đích chung trong sinh hoạt gia đình theo như lời trình bày của bà Đài, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M về việc buộc bà Đài, ông T phải có trách nhiệm liên đới theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình và thực hiện nghĩa vụ của hụi viên, người tham gia hụi theo quy định tại Nghị định số 19/2021/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, do bà M không đồng ý việc bà Đài trả dần, nên bà Đài, ông T phải có nghĩa vụ thanh toán.

Do đó, bà Đài, ông T phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà M số tiền hụi đến nay chưa thanh toán là: 136.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện, bà M yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Đài, ông T phải liên đới thanh toán số tiền là 150.500.000đồng, nhưng tại phiên tòa bà rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 14.500.000đồng, việc bà M rút một phần yêu cầu khởi kiện hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử thống nhất đình chỉ xét xử theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự với số tiền 14.500.000đồng.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M được chấp nhận, nên bà M được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị Đài phải chịu án phí tương ứng với số tiền 66.050.000 đồng, nhưng do bà Đài, ông Nguyễn Văn T phải liên đới Bình toán nợ, nên cả bà Đài, ông T phải liên đới chịu án phí theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo đúng quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 271, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2020 về hội, họ, điều, phường của Chính phủ.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M đối với bà Nguyễn Thị Đài và ông Nguyễn Văn T;

- Buộc bà Nguyễn Thị Đài, ông Nguyễn Văn T phải liên đới trả bà Nguyễn Thị M số 136.000.000 đồng (*một trăm ba mươi sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với số tiền 14.500.000 đồng (*mười bốn triệu, năm trăm nghìn đồng*).

3. Về án phí sơ thẩm:

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 3.400.000 đồng (*ba triệu, bốn trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004683 ngày 27 tháng 5 năm 2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới cấp.

- Bà Nguyễn Thị Đài, ông Nguyễn Văn T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 6.800.000 đồng (*sáu triệu, tám trăm nghìn đồng*), bà Nguyễn Thị Đài, ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ nộp án phí tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo:

- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị M có mặt, có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

- Riêng bà Nguyễn Thị Đài, ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Các đương sự (để thi hành) (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Kiên